

Số: 27/19/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa nội dung
lĩnh vực Đường bộ và Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát
thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp
hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả
thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2015 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông Vận tải công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn
hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 2333/TTr-
SGTVT ngày 18/7/2017 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 951/STP-
KSTTHC ngày 12/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 13 thủ tục hành chính được chuẩn
hóa nội dung và 14 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Đường bộ và Đường thủy
nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

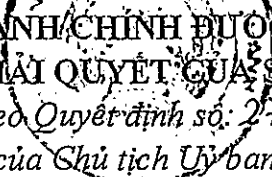
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tư
pháp; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi
hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *dan*

Lê Thị Thìn


THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA NỘI DUNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HÓA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2419 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

Stt	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực: Đường bộ.	
1	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam- Lào - Campuchia
2	Cấp phù hiệu xe nội bộ
3	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ
4	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
5	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
6	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
7	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam
8	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
9	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc
10	Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác
II. Lĩnh vực: Đường thủy nội địa	
11	Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế
12	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa
13	Công bố lại cảng thủy nội địa

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I. Lĩnh vực: Đường bộ			
1	T-THA-286182-TT	Cấp phù hiệu xe nội bộ	Lý do công bố bãi bỏ trên CSDLQG về TTHC: Do được chuẩn hóa về nội dung
2	T-THA-286183-TT	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ	
3	T-THA-268236-TT	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	
4	T-THA-268237-TT	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	
5	T-THA-286186-TT	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.	
6	T-THA-286175-TT	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	
7	T-THA-286176-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	
8	T-THA-286177-TT	Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh	
9	T-THA-286178-TT	Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tuyến	
10	T-THA-286179-TT	Chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh	
11	T-THA-286180-TT	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hàng hóa theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	

12	T-THA-286181-TT	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hàng hóa theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	
II. Lĩnh vực đường thủy nội địa			
13	T-THA-030952-TT	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	Lý do công bố bãi bỏ trên CSDLQG về TTHC: Do được chuẩn hóa về nội dung
14	T-THA-031278-TT	Cho ý kiến xây dựng công trình có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA (Có nội dung cụ thể của 13 thủ tục hành chính đính kèm)



**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/719/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Tên thủ tục hành chính: Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam- Lào - Campuchia.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia đến Sở Giao thông Vận tải nơi có bến xe đi hoặc đến của tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định)

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông Vận tải thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông Vận tải ra văn bản chấp thuận doanh nghiệp, hợp tác xã vào khai thác và xác nhận vào hợp đồng đối tác; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định)

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;
- Giấy đăng ký phương tiện hoạt động trên tuyến (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia theo mẫu;
- Hợp đồng đối tác giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với đối tác của Lào hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp Giấy phép ra văn bản chấp thuận.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

d) Cơ quan phối hợp: Không.
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.
8. Phí, lệ phí: Không có.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: - Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia; (theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT); - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia. (theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Không.

PHỤ LỤC IX

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

*(Ban hành kèm theo thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng
Bộ GTVT)*

Tên đơn vị kinh doanh vận tải **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia như sau:

Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:

Bến đi:.....Bến đến:

Cự ly vận chuyển:..... km

Hành trình chạy xe:.....

5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC X

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

*(Ban hành kèm theo thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng
Bộ GTVT)*

Tên đơn vị kinh doanh vận tải CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN VẬN QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:đivà ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển:km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe:

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúcgiờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc..... giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành:km/giờ.

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường:..... phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:

a) Lượt đi từ Bến xe:.....đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/HK.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/HK.

Giá vé	đồng/HK
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/HK
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/HK

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang Web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/19/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp phù hiệu xe nội bộ.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Đơn vị có xe ô tô vận tải nội bộ có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe nội bộ đến Sở Giao thông Vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trong trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác

nhận, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe nội bộ (<i>Theo mẫu quy định tại Phụ lục số 23 kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hiệu xe nội bộ có giá trị 07 năm và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.
<p>8. Phí, lệ phí: Không có.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (<i>Theo mẫu quy định tại Phụ lục 24 kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT</i>); - Đề nghị xác nhận tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải (<i>Theo mẫu quy định tại Phụ lục 25 kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT</i>).
<p>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.</p>
<p>11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2010 của Quốc hội khoá 12, có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2009; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

- 1. Tên đơn vị vận tải:.....
 - 2. Địa chỉ:.....
 - 3. Số điện thoại (Fax):.....
 - 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HD, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

PHỤ LỤC 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT..(2).....

Sở GTVT ... (1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ... (2)... xác nhận xe ô tô mang biển số ... thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

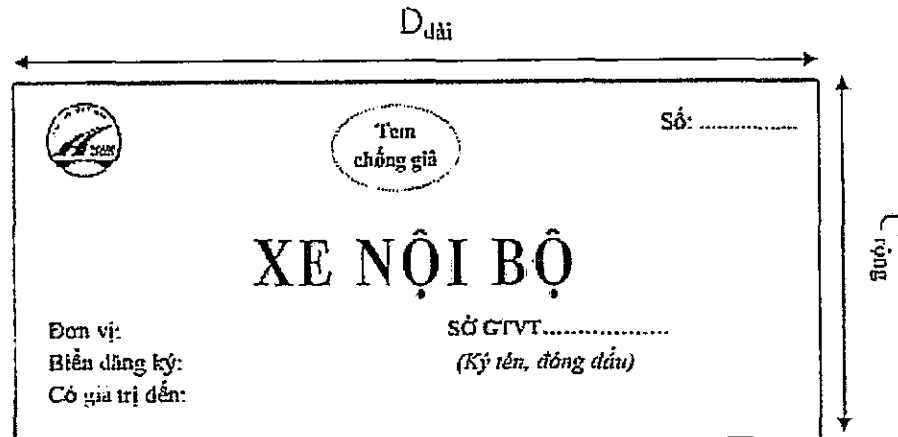
- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

PHỤ LỤC 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu "XE NỘI BỘ"

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
"Số...../....."	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
"XE NỘI BỘ"	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
"Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến"	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu: Khung viền và chữ bên trong màu xanh, nền màu trắng.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 77/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp lại phù hiệu xe nội bộ.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, đơn vị có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe nội bộ đến Sở Giao thông Vận tải nơi đơn vị đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. **Địa điểm:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. **Thời gian:** Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. **Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:**

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác

nhận, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. **Địa điểm:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. **Thời gian:** Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) **Thành phần hồ sơ bao gồm:**

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

4. **Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

6. **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông Vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe nội bộ (Theo mẫu quy định tại Phụ lục số 23 kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

- Phù hiệu xe nội bộ có giá trị 07 năm và không quá niên hạn sử dụng của phương tiện.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 24 kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

- Đề nghị xác nhận tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 25 kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2010 của Quốc hội khoá 12, có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2009;

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông Vận tải ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CĐ (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

- (1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.
- (2) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

PHỤ LỤC 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT ..(2).....

Sở GTVT ... (1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ... (2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ... thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)...chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)...quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;

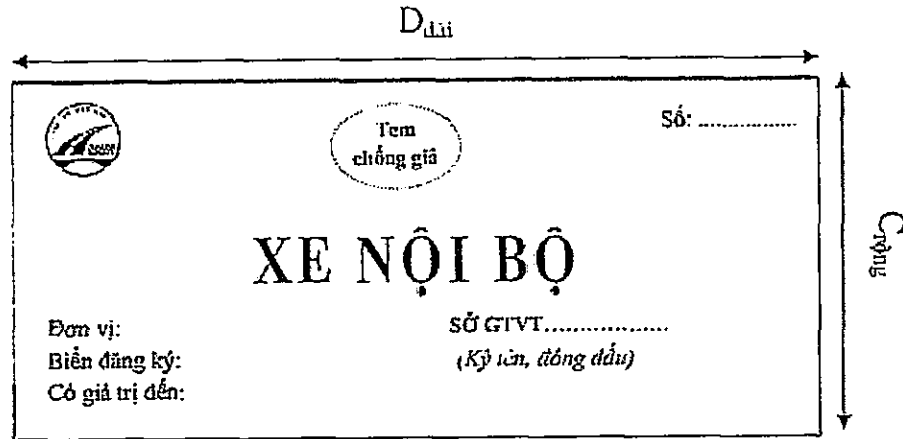
(2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

PHỤ LỤC 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE NỘI BỘ”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE NỘI BỘ”	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kính thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu: Khung viền và chữ bên trong màu xanh, nền màu trắng.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến Sở Giao thông Vận tải đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý và khai thác.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông Vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông Vận tải ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường

Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định)

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;
- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ;
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền;
- Biên bản nghiệm thu xây dựng;
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ;
- Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa;
- d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT);
- Thời hạn của Quyết định: 03 năm.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày

15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

**CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: CÓ.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: CÓ.**

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng năm.....

Số: ..

..... /.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....do.....cấp ngày
....tháng..... năm

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ(3)..... thuộc tỉnh:(4)..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....
- Địa chỉ:(5).....
- Tổng diện tích đất: (6).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị(1)....công bố đưa Trạm dừng nghỉ....(3).... đạt loại:.....(7):..... và được đưa vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ
- (3) Ghi tên trạm dừng nghỉ
- (4) Ghi tên tỉnh
- (5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ
- (6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ
- (7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố.

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

.....(2)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ**

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ(3).....như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Theo quy định kỹ thuật của TDN loại ... (4) ...	Theo thực tế
1	Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)	M ²		
2	Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	M ²		
3	Đường xe ra, vào			
4	Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện			
5	Trạm cấp nhiên liệu			
6	Mặt sân khu vực bãi đỗ xe			
7	Khu vệ sinh	M ²		
8	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	M ²		
9	Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghé ngồi)	M ²		
10	Nơi cung cấp thông tin			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ để nghị công bố

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

(2)

Căn cứ QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày tháng năm 2012

Căn cứ quyết định số của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của (2)

Căn cứ Biên bản kiểm tra của (2) ngày/...../.....

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Trạm dừng nghỉ (1) vào khai thác với các nội dung sau:

- Trạm dừng nghỉ: (1)Mã số:
- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:
- Vị trí: ... (3)
- Tổng diện tích đất:...(4)
- Trạm dừng nghỉ (1) đạt loại:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng..... năm đến ngàytháng... năm

Điều 3. Các ông (bà), Trưởng phòng ; Thủ trưởng ...(1)... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Thủ trưởng...(2)....

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

- Lưu.

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên trạm dừng nghỉ.

(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.

(3) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ.

(4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2719 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Tên thủ tục hành chính: Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ:

Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác đến Sở Giao thông Vận tải (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý).

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông Vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông Vận tải ban hành quyết định công bố tiếp tục đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);
- Báo cáo kết quả hoạt động theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT

ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT);

- Báo cáo kết quả hoạt động (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

.....(2).....
Số: /.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:.....(2):.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do.....cấp ngày
.....tháng..... năm

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ: ..(3).... ..theo quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của(1).... thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị(1)....tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ.....(3).... đạt loại:(4):..... vào khai thác.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) *Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)*
- (2) *Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ*
- (3) *Ghi tên Trạm dừng nghỉ*
- (4) *Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố*

PHỤ LỤC 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..... ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: (1)

..... (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3)... theo Quyết định số... ngày... tháng...năm... của (1) thời gian được phép khai thác từ ngày tháng năm đến ngày... tháng.... năm

..... (2)... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

I. Kết quả kinh doanh khai thác.

1. Tổng số phương tiện vào trạm: (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)
- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)
- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)
- Xe tải: (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: lượt xe và lượt khách vào trạm.

Trong đó có: xe con;xe khách trên 30 ghế; xe khách dưới 30 ghế và xe tải.

II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:

IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:

Ý kiến của Sở GTVT địa phương
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện đơn vị khai thác trạm
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác

(2)

Căn cứ QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày tháng năm 2012

Căn cứ quyết định số của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của (2)

Căn cứ Biên bản kiểm tra của (2) ngày/...../.....

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Trạm dừng nghỉ (1) vào khai thác với các nội dung sau:

- Trạm dừng nghỉ: (1) Mã số:
- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:
- Vị trí: ... (3)
- Tổng diện tích đất:...(4)
- Trạm dừng nghỉ (1) đạt loại:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng..... năm đến ngàytháng... năm

Điều 3. Các ông (bà), Trưởng phòng ; Thủ trưởng ...(1)... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

- Lưu.

Thủ trưởng...(2),...

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên trạm dừng nghỉ.

(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.

(3) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ.

(4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) đến Sở Giao thông Vận tải địa phương (đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ xe phi thương mại thuộc các đối tượng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp) hoặc Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia (đối với xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương đó).

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung thì thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông Vận tải cấp Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. **Địa điểm:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. **Thời gian:** Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- *Đối với xe thương mại:*

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- *Đối với xe phi thương mại:*

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

b) **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

<p>4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.</p>
<p>5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.</p>
<p>6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không có.</p>
<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính gồm: Giấy phép liên vận CLV theo mẫu tại Phụ lục V và Ký hiệu phân biệt quốc gia theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT);</p> <p>- Hiệu lực của Giấy phép:</p> <p>+ Giấy phép liên vận CLV cấp cho xe thương mại có giá trị 01 (một) năm được đi lại nhiều lần.</p> <p>+ Giấy phép liên vận CLV cấp cho xe phi thương mại có thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày cấp.</p> <p>Riêng đối với xe công vụ hoặc xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, xe của các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động vận tải để phục vụ cho các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó trên lãnh thổ Lào, Campuchia được cấp Giấy phép theo thời gian, mục đích chuyến đi nhưng không vượt quá 01 (một) năm.</p>
<p>8. Phí, lệ phí: Không.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (Theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT);</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại (Theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT).</p>
<p>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.</p>
<p>11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <p>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p>

- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ;

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỬ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN
THƯƠNG MẠI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 đề nghị cấp giấy phép **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....số Fax:
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
 c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã được Sở Giao thông vận tảichấp thuận khai thác tuyến tại công văn sốngày..... tháng..... năm

....., Ngày tháng năm
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

KÝ HIỆU PHÂN BIỆT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)





Ghi chú: Chữ hoa Latinh, chữ có chiều cao 80mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình elíp với trục chính nằm ngang.

PHỤ LỤC V

MẪU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)


	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện vận tải đường bộ này đi lại và dành những sự hỗ trợ hoặc bảo vệ cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests all those whom it may concern to allow the vehicle to pass freely and afford the vehicle any such assistance and protection as may be necessary</p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p>
 <p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO - CAMPUCHIA VIET NAM - LAO - CAMBODIA CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT)</p>	<p>Chi tiết về Đơn vị vận tải Information of Transport Operator / Organization</p> <p>1. Tên công ty/ Đơn vị (Operator/Organization):</p> <p>Địa chỉ (Address):</p> <p>Tel: Fax:</p> <p>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address):</p>

<p>Số giấy phép (Permit number).....</p> <p>Ngày cấp (Date of Issue):</p> <p>Ngày hết hạn (Date of expiration):.....</p> <p style="text-align: center;">Issuling Authority/Cơ quan cấp (Signature, Stamp) (Ký tên và đóng dấu)</p> <p style="text-align: center;">Page 1</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>Tel: Fax:</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Thông tin cơ bản về phương tiện Basic data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện: (Registration No.)</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Technical data):</p> <p>- Năm sản xuất:..... (Manufactured year)</p> <p>- Nhãn hiệu (Mark):</p> <p>- Loại xe (Model):.....</p> <p><input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other)</p> <p>- Màu sơn: (Colour)</p> <p>- Số máy: (Engine No.)</p> <p>- Số khung: (Chassic No.)</p> <p style="text-align: center;">Page 2</p>
<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTE</p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, khu vực hoạt động Border, Travelling area</p> <p>Cửa khẩu (Border gate):</p>	<p style="text-align: center;">GIA HẠN EXTENTION</p> <p>Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)</p> <p>Gia hạn đến hết hạn (Extended to):.....</p>

Khu vực hoạt động (Travelling area):.....	Ngày cấp (Date of issue):..... Issuing Authority (Signature, Stamp)
Tuyến hoạt động (Routes):	
Vận tải hàng hóa/ hành khách (tuyến không cố định/cố định (goods transport/passenger transport (non - schedule or schedule):.....	Page 4
Ghi chú khác (others):.....	

Page 3

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION				BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)	
Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriv al	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriv al

					Date		Date
Page 5				Next Pages			
 <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA VIET NAM - LAO - CAMBODIA CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT) PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI NON COMMERCIAL VEHICLE</p> <p>Mặt bìa trước/ Cover</p>				<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện vận tải đường bộ này đi lại và dành những sự hỗ trợ hoặc bảo vệ cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests all those whom it may concern to allow the vehicle to pass freely and afford the vehicle any such assistance and protection as may be necessary</p> <p>Mặt sau/ Back side</p>			



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN
VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA
VIET NAM - LAO - CAMBODIA
CROSS - BORDER TRANSPORT
PERMIT (CLV - CBT PERMIT)**

Số giấy phép (Permit
number).....

Ngày cấp (Date of Issue):

Ngày hết hạn (Date of
expiration):.....

Issuling Authority/Cơ quan cấp
(Signature, Stamp)
(Ký tên và đóng dấu)

Page 1

**Thông tin cơ bản về phương tiện
Basic data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương
tiện:.....
(Registration No.)

2. Thông số kỹ thuật:
(Technical data)

- Năm sản
xuất:.....
(Manufactured year)

- Nhãn hiệu
(Mark):.....

- Loại xe
(Model):.....

Xe tải (Truck) Xe khách (Bus)
Khác (Other)

- Màu sơn:
.....
(Colour)

- Số máy:
.....
(Engine No.)

- Số khung:
.....
(Chassic No.)

Page 2

**Chi tiết về Đơn vị
Information of Transport Operator/
Organization**

1- Tên Đơn vị (Organnization):
.....
.....

Địa chỉ
(Address):.....
.....
.....

**GIA HẠN
EXTENTION**

Được phép gia hạn 1 lần không quá 10
ngày
(be extended one time and not exceed
10 days)

Gia hạn đến hết hạn (Extended

<p>Tel:.....</p> <p>Fax:.....</p> <p>2- Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):....</p> <p>Địa chỉ (Address):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Điện thoại/ Tel:.....</p> <p>Fax:.....</p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, khu vực hoạt động Border, Travelling area</p> <p>Cửa khẩu (Border gate):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Khu vực hoạt động (Travelling area):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Tuyến hoạt động (Routes):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Các ghi chú khác (other note):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>to):.....</p> <p>Ngày cấp (Date of issue):.....</p> <p style="text-align: center;">Issuing Authority/Cơ quan cấp (Signature, Stamp) (Ký tên và đóng dấu)</p> <p style="text-align: center;">Page 4</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

.....							
Page 3							
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION				BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)	
Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriv al Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriv al Date
Page 5				Next Pages			
Hướng dẫn (Instruction) 1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì có thể xảy ra, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this book get lost or illegible for any				Ghi chú (note): Khổ giấy rộng: 11cm, dài 15cm. Page size 11cm x 15cm. Bìa màu đỏ, từ 50-100 trang dùng để cấp			

<p>reasons as it may occur the holder should request the new one at the issuing office.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be produced to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Nghiêm cấm việc tẩy xóa, thay đổi các điều khoản đã ghi trong sổ này.</p> <p>It is prohibited to erase, add, or falsify any terms specified in this book.</p> <p>4. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed before one month before the expired date.</p>	<p>cho phương tiện thương mại.</p> <p>Red cover (50-100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10-20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

No
<p>VIET NAM</p> <p>CLV - CBT BOARD</p>
<p>(Company):.....(Competent Authorities)</p> <p>(Registered Number):.....</p> <p>(Valid until):(Signature/Sealed)</p>

Ghi chú: Kích thước 115mm x 210mm, nền trắng.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/19/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Khi Giấy phép hết thời hạn, bị hư hỏng hoặc bị mất, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi là Giấy phép liên vận CLV) đến Sở Giao thông Vận tải địa phương (đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định, xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương, trừ xe phi thương mại thuộc các đối tượng do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp) hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia (đối với xe phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương đó).

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông Vận tải thông báo trực tiếp ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo bằng văn bản chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông Vận tải cấp lại Giấy phép; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- *Đối với xe thương mại:*

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản chấp thuận khai thác tuyến (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định);

+ Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì phải xuất trình thêm tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị kinh doanh vận tải với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- *Đối với xe phi thương mại:*

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại theo mẫu;

+ Giấy đăng ký phương tiện (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh

<p>doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép liên vận CLV cũ hoặc Giấy phép liên vận CLV hư hỏng trong trường hợp giấy phép cũ hoặc bị hư hỏng; - Công văn báo cáo và cam kết về việc mất giấy phép đối với trường hợp bị mất giấy phép liên vận CLV. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.</p>
<p>5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.</p>
<p>6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. e) Cơ quan phối hợp: Không.
<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính gồm: Giấy phép liên vận CLV theo mẫu tại Phụ lục V và Ký hiệu phân biệt quốc gia theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực của Giấy phép: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam (sau đây gọi tắt là Giấy phép liên vận CLV) cấp cho xe thương mại có giá trị 01 (một) năm được đi lại nhiều lần. + Giấy phép liên vận CLV cấp cho xe phi thương mại có thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày cấp. <p>Riêng đối với xe công vụ hoặc xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, xe của các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động vận tải để phục vụ cho các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó trên lãnh thổ Lào, Campuchia được cấp Giấy phép theo thời gian, mục đích chuyến đi nhưng không vượt quá 01 (một) năm.</p>
<p>8. Phí, lệ phí: Không.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện thương mại (Theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT);

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện phi thương mại
(Theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số
63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ;

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC VI
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN
THƯƠNG MẠI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Tên đơn vị kinh doanh vận tải **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 đề nghị cấp giấy phép **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....số Fax:
4. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận CLV cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-Nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

5. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
 c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại
 Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh: Việt Nam)
 Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)
 Cự ly vận chuyển: km
 Hành trình tuyến đường:.....
 Đã được Sở Giao thông vận tảichấp thuận khai thác tuyến tại công văn sốngày..... tháng..... năm

....., Ngày tháng năm
 Thủ trưởng đơn vị
 (Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

KÝ HIỆU PHÂN BIỆT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)





Ghi chú: Chữ hoa Latinh, chữ có chiều cao 80mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình elip với trục chính nằm ngang.

PHỤ LỤC V

MẪU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN CLV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

	<p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện vận tải đường bộ này đi lại và dành những sự hỗ trợ hoặc bảo vệ cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests all those whom it may concern to allow the vehicle to pass freely and afford the vehicle any such assistance and protection as may be necessary</p> <p>Mặt sau bìa trước/Back side</p>
 <p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO - CAMPUCHIA VIET NAM - LAO - CAMBODIA CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT)</p> <p>Số giấy phép (Permit number).....</p>	<p>Chi tiết về Đơn vị vận tải Information of Transport Operator / Organization</p> <p>1. Tên công ty/ Đơn vị (Operator/Organization): Địa chỉ (Address): Tel: Fax:</p> <p>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax:</p> <p>Thông tin cơ bản về phương tiện Basic data of the vehicle</p>

<p>Ngày cấp (Date of Issue):</p> <p>Ngày hết hạn (Date of expiration):.....</p> <p style="text-align: center;">Issuing Authority/Cơ quan cấp (Signature, Stamp) (Ký tên và đóng dấu)</p> <p style="text-align: center;">Page 1</p>	<p>1. Số đăng ký phương tiện: (Registration No.)</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Technical data):</p> <p>- Năm sản xuất:..... (Manufactured year)</p> <p>- Nhân hiệu (Mark):</p> <p>- Loại xe (Model):.....</p> <p><input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other)</p> <p>- Màu sơn: (Colour)</p> <p>- Số máy: (Engine No.)</p> <p>- Số khung: (Chassic No.)</p> <p style="text-align: center;">Page 2</p>
<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTE</p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, khu vực hoạt động Border, Travelling area</p> <p>Cửa khẩu (Border gate):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Khu vực hoạt động (Travelling area):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Tuyến hoạt động (Routes):</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p style="text-align: center;">GIA HẠN EXTENTION</p> <p style="text-align: center;">Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)</p> <p>Gia hạn đến hết hạn (Extended to):.....</p> <p>Ngày cấp (Date of issue):.....</p> <p style="text-align: center;">Issuing Authority (Signature, Stamp)</p>

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Vận tải hàng hóa/ hành khách (tuyến không cố định/cố định (goods transport/passenger transport (non - schedule or schedule):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Ghi chú khác (others):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Page 3</p>	<p>Page 4</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION				BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)	
Ngày xuất cảnh Departure date	Ngày nhập cảnh Arrival Date	Ngày xuất cảnh Departure date	Ngày nhập cảnh Arrival Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date

Page 5	Next Pages
<div data-bbox="496 219 639 367" data-label="Image"> </div> <p data-bbox="284 454 858 562"> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM </p> <p data-bbox="272 685 874 958"> GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA VIET NAM - LAO - CAMBODIA CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT) PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI NON COMMERCIAL VEHICLE </p> <p data-bbox="437 1084 707 1115">Mặt bìa trước/ Cover</p>	<p data-bbox="919 264 1422 333"> Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam </p> <p data-bbox="892 461 1449 640"> Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện vận tải đường bộ này đi lại và dành những sự hỗ trợ hoặc bảo vệ cần thiết </p> <p data-bbox="892 714 1453 896"> The Ministry of Transport of Viet Nam requests all those whom it may concern to allow the vehicle to pass freely and afford the vehicle any such assistance and protection as may be necessary </p> <p data-bbox="1046 1075 1294 1106">Mặt sau/ Back side</p>
<div data-bbox="504 1149 639 1274" data-label="Image"> </div> <p data-bbox="325 1314 823 1384"> Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam </p> <p data-bbox="277 1453 871 1657"> GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT NAM - LÀO - CAMPUCHIA VIET NAM - LAO - CAMBODIA CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT) </p> <p data-bbox="261 1731 836 1767">Số giấy phép (Permit number).....</p> <p data-bbox="261 1785 783 1821">Ngày cấp (Date of Issue):</p> <p data-bbox="261 1839 847 1874">Ngày hết hạn (Date of expiration):.....</p> <p data-bbox="360 1892 791 2000"> Issuing Authority/Cơ quan cấp (Signature, Stamp) (Ký tên và đóng dấu) </p>	<p data-bbox="948 1191 1394 1261"> Thông tin cơ bản về phương tiện Basic data of the vehicle </p> <p data-bbox="887 1335 1410 1404"> 1. Số đăng ký phương tiện:..... (Registration No.) </p> <p data-bbox="887 1424 1177 1494"> 2. Thông số kỹ thuật: (Technical data) </p> <p data-bbox="887 1514 1449 1583"> - Năm sản xuất:..... (Manufactured year) </p> <p data-bbox="887 1603 1449 1639"> - Nhãn hiệu (Mark):..... </p> <p data-bbox="887 1659 1449 1695"> - Loại xe (Model):..... </p> <p data-bbox="887 1715 1437 1785"> <input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other) </p> <p data-bbox="887 1805 1299 1912"> - Màu sơn: (Colour) </p> <p data-bbox="887 1933 1437 2002"> - Số máy: (Engine No.) </p> <p data-bbox="887 2022 1299 2092"> - Số khung: </p>

Page 1	(Chassic No.)
Chi tiết về Đơn vị Information of Transport Operator/ Organization	Page 2 GIA HẠN EXTENTION
1- Tên Đơn vị (Organnization):	Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)
Địa chỉ (Address):.....	Gia hạn đến hết hạn (Extended to):.....
Tel:..... Fax:.....	Ngày cấp (Date of issue):.....
2- Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):.... Địa chỉ (Address):.....	Issuing Authority/Cơ quan cấp (Signature, Stamp) (Ký tên và đóng dấu)
Điện thoại/ Tel:..... Fax:..... Cửa khẩu, khu vực hoạt động Border, Travelling area	
Cửa khẩu (Border gate):	
Khu vực hoạt động (Travelling area):.....	
Tuyến hoạt động (Routes):	Page 4

.....

 Các ghi chú khác (other note):.....

 Page 3

BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION				BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - IMMIGRATION			
HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)		HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GARDS)	
Ngày xuất cảnh Departure date	Ngày nhập cảnh Arrival Date	Ngày xuất cảnh Departure date	Ngày nhập cảnh Arrival Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date	Ngày xuất cảnh Departur e date	Ngày nhập cảnh Arriva l Date

Page 5 Next Pages

<p>Hướng dẫn (Instruction)</p> <p>1. Khi số bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì có thể xảy ra, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p>	<p>Ghi chú (note):</p> <p>Khổ giấy rộng: 11cm, dài 15cm. Page size 11cm x 15cm.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>When this book get lost or illegible for any reasons as it may occur the holder should request the new one at the issuing office.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be produced to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Nghiêm cấm việc tẩy xóa, thay đổi các điều khoản đã ghi trong sổ này.</p> <p>It is prohibited to erase, add, or falsify any terms specified in this book.</p> <p>4. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed before one month before the expired date.</p>	<p>Bìa màu đỏ, từ 50-100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.</p> <p>Red cover (50-100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10-20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

No
<p>VIET NAM</p> <p>CLV - CBT BOARD</p>
<p>(Company):.....(Competent Authorities)</p> <p>(Registered Number):.....</p> <p>(Valid until):(Signature/Sealed)</p>

Ghi chú: Kích thước 115mm x 210mm, nền trắng.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/9/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Tên thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện
Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Khi Giấy phép liên vận Việt - Lào hết hạn hoặc bị hư hỏng, bị mất, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào đến Sở Giao thông Vận tải.

- Sở Giao thông Vận tải cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân không phải là các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ, các tổ chức chính trị, xã hội ở Trung ương và các cơ quan ngoại giao, cơ quan đại diện của các tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có trụ sở đóng tại Hà Nội; các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào theo quy định tại Nghị định thư còn được cấp Giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

- Phương tiện được cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào là xe ô tô bao gồm: xe ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và phương tiện chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có Giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp. Phương tiện bao gồm phương tiện thương mại và phương tiện phi thương mại.

+ *Phương tiện thương mại bao gồm:* Xe ô tô vận tải hành khách theo tuyến cố định; Xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch; Xe ô tô vận tải hàng hóa; Xe ô tô chuyên chở người, hàng hóa và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ phục vụ các công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào (không bao gồm xe ô tô và xe máy chuyên dùng sang Lào chủ yếu phục vụ thi công công trình, thời gian phục vụ thi công trên 30 ngày và kết thúc công trình mới về nước).

+ *Phương tiện phi thương mại bao gồm:* Xe ô tô của các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đi công tác, xe ô tô cứu hỏa, xe ô tô cứu thương, xe ô tô cứu hộ, xe ô tô thực hiện sứ mệnh nhân đạo (gọi chung là xe công vụ); Xe ô tô

của cá nhân đi việc riêng (chỉ áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 09 chỗ và xe ô tô bán tải (pick-up); Xe ô tô của doanh nghiệp, hợp tác xã đi công tác, tham quan, du lịch.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. **Địa điểm:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. **Thời gian:** Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. **Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:**

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải thông báo trực tiếp (trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp) hoặc bằng văn bản các nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông Vận tải cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào; trường hợp từ chối không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. **Địa điểm:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. **Thời gian:** Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. **Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3. **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) **Thành phần hồ sơ:**

- *Đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải):*

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng

- ký phương tiện và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải;
- + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định).
 - + Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với trường hợp hết hạn hoặc hư hỏng .
- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:*
- + Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào theo mẫu (đối với trường hợp Giấy phép bị mất phải nêu rõ lý do);
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký phương tiện, trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo hợp đồng của tổ chức, cá nhân với tổ chức cho thuê tài chính hoặc tổ chức, cá nhân có chức năng cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
 - + Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào);
 - + Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp đi công vụ và các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);
 - + Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với trường hợp hết hạn hoặc hư hỏng .
- b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép liên vận Việt – Lào gồm: Ký hiệu phân biệt quốc gia theo mẫu quy định tại Phụ lục 2; Sổ Giấy phép liên vận Việt – Lào theo mẫu quy định tại Phụ lục 6a; Phù hiệu liên vận theo mẫu quy định tại Phụ lục 6b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Hiệu lực của Giấy phép:

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào để đi lại nhiều lần, có giá trị 01 năm nhưng không quá thời hạn kết thúc công trình, dự án, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.

+ Riêng đối với xe vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải khách du lịch, Giấy phép liên vận Việt - Lào được cấp theo thời hạn chuyến đi nhưng tối đa không quá 30 ngày.

+ Giấy phép liên vận Việt - Lào cấp cho phương tiện phi thương mại có thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cấp.

+ Riêng đối với xe công vụ, Giấy phép liên vận Việt - Lào có thể cấp theo thời gian của chuyến đi nhưng không vượt quá 01 năm.

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đối với phương tiện thương mại:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào (*Theo mẫu quy định tại Phụ lục 7a ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT*).

- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào (*theo mẫu quy định tại Phụ lục 7b ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT*).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Phương tiện thương mại phải được gắn thiết bị giám sát hành trình, có phù hiệu, biển hiệu và niên hạn sử dụng theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15/9/2010;

- Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của hiệp định và nghị định thư thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: CÓ.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: CÓ.

PHỤ LỤC 7A

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO

PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên doanh nghiệp/HTX
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp, HTX:

2. Địa chỉ:

3. Số điện thoại: Số Fax:

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ngày cấp:

5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định

b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng:

d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình tuyến đường:
.....

Đã được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ngày

....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7B

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO
PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI
PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ TRÊN LÃNH THỔ LÀO**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị/cá nhân
đề nghị cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: Số Fax:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hóa, người phục vụ mục đích kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất-nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

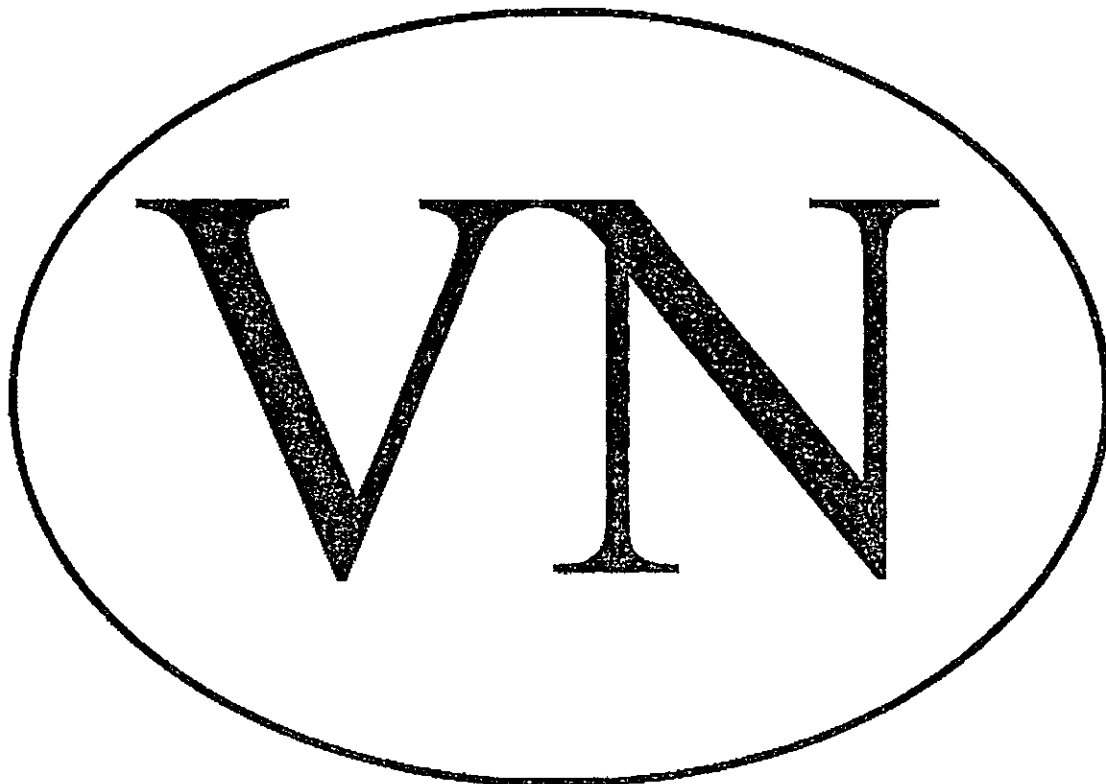
....., ngày tháng năm
Đại diện doanh nghiệp, HTX
hoặc cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 2

KÝ HIỆU PHÂN BIỆT QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)




Ghi chú: Chữ hoa Latinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình elíp với trục chính nằm ngang.

PHỤ LỤC 6A

MẪU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

VIETNAM - LAOS
CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Vietnam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện vận tải đường bộ này đi lại dễ dàng và hỗ trợ hoặc bảo vệ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam requests all those whom it may concern to allow the vehicle to pass freely and afford the vehicle any such assistance and protection as may be necessary

Mặt sau bìa trước/ Back side

Thông tin cơ bản về phương tiện
Basic data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện:
(Registration number)

2. Một số thông số kỹ thuật:
(Technical data)

- Năm sản xuất:.....
(Manufactured year)

- Nhãn hiệu (Mark):

- Loại xe (Model):

Xe tải Xe khách Xe khác
(Truck) (Bus) (Other)

- Màu sơn:
(Colour)

- Số máy:
(Engine No.)

- Số khung:.....
(Chassis No.)

Trang 1

Chi tiết về người khai thác vận tải
Status of Transport operator

Tên đơn vị/người khai thác
(Company/Operator):
.....
.....
.....

Địa chỉ (Address):
.....
.....
.....
.....

Tel: Fax:

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):
.....
.....
.....

Số Giấy phép (Licence No.):

Ngày hết hạn (Date of expiry):

Trang 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

Giấy phép này có giá trị
This permit is valid

Từ ngày: From date.... month..... year
Đến ngày: To date.... month..... year

Cửa khẩu, vùng hoạt động, nơi đến
Border gate, Traveling area, Destinatinon

Cửa khẩu (Border gate):

Vùng hoạt động (Traveling area):.....

Nơi đến (Destination):.....

Ngày cấp (Date of issue):

Issuing Authority
(Signature, seal)

Trang 3

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date	Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày
tháng ... năm

This trip is extended until to date month
.... year

Ngày... tháng ... năm...
date....month....year....

Cơ quan gia hạn
Extending Authority
Ký tên, đóng dấu
(Signature, seal)

Ghi chú (Notices):

Trang 4

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date	Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ này bao gồm 50 trang cần phải được giữ sạch sẽ.
This book, containing 50 pages excluding covers, should be kept as clean as possible.
2. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì có thể xảy ra, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép
When this book gets lost or unreadable for any reasons as it may occur, the holder should request the new one at the issuing office
3. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.
This book shall be produced to the competent authorities upon request
4. Nghiêm cấm việc tẩy xóa, thay đổi các điều khoản đã ghi trong sổ này.
It is prohibited to erase, modify, or falsify any terms specified in this book
5. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.
This book shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expired date.

Ghi chú (note):

- Khô giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.
Page size 11 cm x 15 cm.
- Bìa màu đỏ (Red) dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.
Red cover used for all vehicles.

PHỤ LỤC 6B

MẪU PHÙ HIỆU LIÊN VẬN VIỆT - LÀO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Số (No.):.....	
CROSS-BORDER TRANSPORT VIET NAM - LAOS	
Đơn vị/người khai thác (Company/Operator)	Cơ quan cấp phép/Issuing Authority <i>(Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)</i>
Biển đăng ký (Registration No.):	
Giấy phép có giá trị đến (Valid Until):	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2311/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư chịu trách nhiệm lập phương án tổ chức giao thông trình và gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc đến Sở Giao thông Vận tải (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý)

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa rõ ràng, chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản yêu cầu nhà đầu tư, chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức giao thông giao cơ quan quản lý đường cao tốc tiến hành thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sau khi có báo cáo thẩm định của cơ quan chuyên môn trực thuộc và ý kiến thỏa thuận của Bộ Giao thông Vận tải, nếu đủ điều kiện, ra quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông trong thời hạn 03 ngày làm việc. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc do Ủy ban nhân

<p>dân tình làm chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông theo quy định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.</p> <p>Bước 4. Trả kết quả:</p> <p>1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).</p>
<p>2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.</p>
<p>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</p> <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phê duyệt (bản chính) theo mẫu; - Phương án tổ chức giao thông; - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
<p>4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày có báo cáo thẩm định đủ điều kiện phê duyệt.</p>
<p>5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.</p>
<p>6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý);</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Bộ Giao thông Vận tải.</p>
<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án tổ chức giao thông.</p>
<p>8. Phí, lệ phí: Không có.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</p> <p>Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông (Tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014).</p>

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Phương án tổ chức giao thông trên đường cao tốc phải bao gồm các nội dung sau:

- Phương tiện được phép lưu thông trên đường cao tốc;
- Điều kiện sử dụng các làn đường cao tốc khi: Lưu thông bình thường; chuyển làn; quay đầu phương tiện trong trường hợp khẩn cấp; đi qua các trạm thu phí, trạm kiểm tra tải trọng xe; gặp sự cố, tai nạn và trong những trường hợp đặc biệt;
- Danh sách nút giao và các công trình đặc biệt;
- Tốc độ lưu hành cho phép và khoảng cách an toàn giữa các xe;
- Vị trí, thời gian và thời lượng chiếu sáng;
- Tên, vị trí, lý trình và điều kiện sử dụng các trạm dừng nghỉ, nơi dừng, nơi đỗ xe, trạm thu phí và trạm kiểm soát tải trọng xe;
- Quy định về cảnh báo an toàn giao thông khi thực hiện công việc quản lý, bảo trì;
- Số điện thoại khẩn cấp;
- Phương án cứu hộ, cứu nạn;
- Các thông tin được cung cấp thông qua hệ thống giao thông thông minh: Vị trí các vụ tai nạn, sự cố, sự kiện, điều kiện thời tiết, công trường thi công, địa điểm đang hạn chế điều kiện khai thác, các vi phạm quy tắc giao thông, tư vấn hành trình và các nội dung khác;
- Các thông tin khác: Hình thức, công nghệ thu phí; trạm kiểm tra tải trọng xe; tên và địa chỉ của các cơ quan, đơn vị liên quan đến quản lý, khai thác;
- Phương án tổ chức giao thông đặc biệt.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;
- Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Không.

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ/
CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt phương án tổ chức giao thông

Kính gửi: *(Cấp có thẩm quyền)*⁽¹⁾

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

(Tên nhà đầu tư, chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) phê duyệt Phương án tổ chức giao thông (tên công trình đường cao tốc) với các nội dung như sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình:
2. Địa điểm xây dựng:
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)
4. Cấp công trình:
5. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư và thông tin liên lạc (điện thoại, địa chỉ...):
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):
8. Các thông tin khác có liên quan:

II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Hồ sơ phương án tổ chức giao thông;
2. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng;
3. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

(Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) xem xét, phê duyệt Phương án tổ chức giao thông (tên đường cao tốc) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(1) Cấp có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác.
Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Trước khi đưa công trình đường cao tốc vào khai thác, chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng hoặc cải tạo, nâng cấp công trình đường cao tốc tổ chức lập và gửi hồ sơ đề nghị đưa công trình đường cao tốc vào khai thác đến Sở Giao thông Vận tải (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý).

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, phải có văn bản yêu cầu nhà đầu tư, chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, ra quyết định công bố đưa công trình vào khai thác. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc do Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa làm chủ đầu tư, cơ quan, tổ chức được giao trực tiếp quản lý sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác theo quy định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

<p>Bước 4. Trả kết quả:</p> <p>1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).</p>
<p>2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác.</p>
<p>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</p> <p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác; - Báo cáo thẩm định an toàn giao thông (nếu thuộc dự án phải thẩm định an toàn giao thông); - Phương án tổ chức giao thông được duyệt. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p>
<p>5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.</p>
<p>6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (đối với đường cao tốc do địa phương quản lý);</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không.</p>
<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đưa công trình cao tốc vào khai thác.</p>
<p>8. Phí, lệ phí: Không có.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác (<i>Tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014</i>).</p>
<p>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.</p>
<p>11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22/4/2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

- Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Không.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ/
CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Tên địa phương, ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Đề nghị công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác

Kính gửi: (Cấp có thẩm quyền)⁽¹⁾

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc;

Căn cứ Thông tư số 90/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường cao tốc.

(Tên nhà đầu tư, chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) công bố đưa công trình đường cao tốc vào khai thác với các nội dung như sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình:
2. Địa điểm xây dựng:
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình)
4. Cấp công trình:
5. Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư và thông tin liên lạc (điện thoại, địa chỉ...):
6. Nguồn vốn đầu tư:
7. Ngày khởi công/ngày hoàn thành (theo Biên bản nghiệm thu):
8. Các thông tin khác có liên quan:

II. Danh mục hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Báo cáo thẩm định an toàn giao thông (nếu có);
2. Phương án tổ chức giao thông đã được phê duyệt;
3. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

(Tên nhà đầu tư/chủ đầu tư) trình (Cấp có thẩm quyền) xem xét, chấp thuận đưa công trình (tên đường cao tốc) vào khai thác với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN NHÀ ĐẦU TƯ/CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

(1) Cấp có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/19 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Tên thủ tục hành chính: Chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường thủy nội địa

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế đến Sở Giao thông vận tải (đối với công trình đường thủy nội địa địa phương).

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan quản lý đường thủy nội địa có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông Vận tải phải có văn bản chấp thuận việc tiếp tục sử dụng đối với công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ thiết kế; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi cho đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa thông qua hệ thống bưu chính hoặc nhận trực tiếp tại trụ sở cơ quan.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (Đơn vị bảo trì công trình đường thủy nội địa).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế (Theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004;
- Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 05/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Không.

PHỤ LỤC 4

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TIẾP TỤC XỬ LÝ CÔNG TRÌNH HẾT TUỔI THỌ THIẾT KẾ
(Kèm theo Thông tư số 17/2013/TT-BGTVT ngày 5 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao
thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v Xử lý công trình hết tuổi thọ thiết kế

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo trì:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại:

2. Tên công trình:

- Địa điểm:

3. Loại công trình: Cấp công trình:

4. Tên tổ chức kiểm định, đánh giá chất lượng công trình:

- Địa chỉ: Điện thoại:

5. Nội dung báo cáo và đề nghị xử lý công trình đường thủy nội địa hết tuổi thọ
thiết kế:

.....

*(Ghi các nội dung đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Thông tư số
17/2013/TT-BGTVT ngày 5 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy
định về quản lý và bảo trì công trình đường thủy nội địa).*

..... ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình, kết quả sửa chữa công trình;
- Biên bản hoặc tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình;
- Kết quả sửa chữa công trình nếu có hư hỏng để bảo đảm công năng và an toàn sử dụng trước khi xem xét, quyết định việc tiếp tục sử dụng công trình;
- Hồ sơ xây dựng và bảo trì của công trình đường thủy nội địa.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/19 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Chấp thuận chủ trương xây dựng Cảng thủy nội địa
Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường thủy nội địa.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Chủ đầu tư gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông Vận tải.

Sở Giao thông Vận tải chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác: nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông Vận tải kết quả thẩm định,

kèm theo 01 bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Bộ Giao thông Vận tải lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông Vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa gửi chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có văn bản chấp thuận xây dựng cảng thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Đối với cảng thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển, trước khi chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải phải lấy ý kiến bằng văn bản của Cảng vụ Hàng hải khu vực. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Hàng hải khu vực có văn bản trả lời.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa theo mẫu;
- Bình đồ vị trí công trình cảng dự kiến xây dựng, mặt bằng cảng, vùng nước trước cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Bộ Giao thông vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ do chủ đầu tư nộp.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.
5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.
6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông Vận tải chấp thuận đối với Cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa chấp thuận đối với Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài. b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. d) Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cảng vụ Hàng hải khu vực (tùy từng trường hợp)
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa - Văn bản chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa có thời hạn 24 tháng (đối với công trình cảng thuộc dự án nhóm A), 12 tháng (đối với công trình cảng thuộc dự án nhóm B và nhóm C).
8. Phí, Lệ phí: Không.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: - Đơn đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng Cảng thủy nội địa (<i>Theo quy định tại mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải</i>).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014; - Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Không.

MẪU SỐ 1

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG XÂY DỰNG CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ trụ sở:

Số điện thoại: Số FAX

Đề nghị chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa (2)

Vị trí dự kiến xây dựng, từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, (kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

Quy mô dự kiến xây dựng:

Mục đích sử dụng:

Phạm vi vùng đất sử dụng:

Phạm vi vùng nước sử dụng

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn
Ký và đóng dấu

Ghi chú:

1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

Tên thủ tục hành chính: Công bố lại cảng thủy nội địa.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường thủy nội địa.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Chủ cảng thủy nội địa gửi hồ sơ đề nghị công bố hoạt động lại cảng thủy nội địa đến Sở Giao thông Vận tải (cơ quan đã chấp thuận chủ trương xây dựng cảng).

- Cảng thủy nội địa phải công bố lại trong các trường hợp sau:

+ Khi thay đổi chủ sở hữu;

+ Quyết định công bố hoạt động hết hiệu lực;

+ Thay đổi kết cấu công trình cảng, vùng đất, vùng nước hoặc thay đổi công dụng của cảng.

- Sở Giao thông Vận tải Thanh Hóa công bố lại cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nội địa nước ngoài trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia được ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi địa giới hành chính địa phương.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức, cá nhân: Không

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định

thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ cảng hoàn thiện hồ sơ.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông Vận tải có văn bản yêu cầu chủ cảng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

+ Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Sở Giao thông Vận tải thẩm định hồ sơ trình Bộ Giao thông Vận tải kết quả thẩm định, kèm theo 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa do chủ cảng nộp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Bộ Giao thông vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình thẩm định hồ sơ đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải ra quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa theo mẫu và gửi cho chủ cảng. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Sở Giao thông Vận tải tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hóa (Số 11, Phố Hàng Đồng, Phường Điện Biên, TP.Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị công bố lại cảng thủy nội địa theo mẫu;

- Đối với trường hợp do thay đổi chủ sở hữu nhưng không thay đổi các nội dung đã công bố, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị văn bản hợp pháp về chuyên nhượng cảng và hồ sơ liên quan đến việc bàn giao chủ sở hữu hoặc văn bản hợp pháp về phân chia hoặc sáp nhập (nếu có);

- Đối với trường hợp công bố lại do có sự thay đổi về kết cấu công trình cảng, vùng nước, vùng đất, công dụng của cảng, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh các nội dung thay đổi;

- Đối với trường hợp công bố lại do xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp để nâng cao năng lực thông qua cảng, thực hiện theo quy định về công bố hoạt động cảng thủy nội địa đối với phần xây dựng mở rộng hoặc nâng cấp. *Cụ thể gửi kèm theo: Bản sao chứng thực quyết định đầu tư xây dựng cảng của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chứng; Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt; hồ sơ hoàn công; Biên bản nghiệm thu công trình; Bình đồ vùng nước của cảng; Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phao nổi (nếu sử dụng phao nổi thay cho cầu tàu); Bản sao văn bản chứng nhận an ninh đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.*

- Đối với cảng thủy nội địa được công bố hoạt động trước ngày 01 tháng 01 năm 2005 do thất lạc hồ sơ, chủ cảng phải gửi kèm theo đơn đề nghị bản vẽ mặt bằng công trình cảng, bình đồ vùng nước, vùng đất của cảng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông Vận tải công bố lại đối với cảng thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài hoặc Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa công bố lại đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa (tại Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Thời hạn hiệu lực của quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa bằng thời hạn sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ cảng hoặc theo đề nghị của chủ cảng.

8. Phí, Lệ phí: Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa (Mẫu số 10 tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa 2014;
- Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động cảng, bến thủy nội địa.
- Thông tư 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.**

MẪU SỐ 10

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI CẢNG THỦY NỘI ĐỊA

Kính gửi: (1).....
Tên tổ chức, cá nhân
Địa chỉ trụ sở:
Số điện thoại:Số FAX
Đề nghị công bố hoạt động cảng thủy nội địa (2)
Vị trí cảng: từ km thứ đến km thứ
Trên bờ (Phải hay Trái) sông, (kênh)
Thuộc xã (phường), huyện (quận)
Tỉnh (thành phố):
Cảng thuộc loại:
Phạm vi vùng đất sử dụng:
Tóm tắt quy mô về cơ sở hạ tầng (công trình cầu tàu, kho bãi.):
Phạm vi vùng nước sử dụng:
Vùng đón trả hoa tiêu (nếu có)
Phương án khai thác:
Loại phương tiện cảng có khả năng tiếp nhận:
Lý do đề nghị công bố lại:
Thời hạn xin hoạt động từ ngày / / đến hết ngày / /
Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định, của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

Tổ chức (cá nhân) làm đơn
Ký tên và đóng dấu

Ghi chú:

1. Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;
2. Tên cảng do chủ đầu tư đặt.

MẪU SỐ 5

MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG CẢNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN THẨM QUYỀN (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-CĐTNĐ

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố hoạt động cảng.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN (1)

Căn cứ Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công bố cảng thủy nội địa của.....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.

Nay công bố hoạt động cảng

Tại vị trí

Của (tổ chức, cá nhân)

Địa chỉ

Số điện thoại..... số FAX

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số

.....ngày do (Cơ quan) ..

Loại cảng

Cấp kỹ thuật cảng

.....

Vùng đất của cảng

Kết cấu công trình cảng:

Vùng nước của cảng (theo Bình đồ số cơ quan duyệt
....., ngày)
Thiết bị xếp dỡ
Được phép tiếp nhận loại phương tiện thủy

Điều 2.

Trong quá trình khai thác,..... (tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm thực hiện các quy định sau:

1.
2.

Điều 3.

Cảng vụ Đường thủy nội địa.... chịu trách nhiệm quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng và thu phí và lệ phí theo quy định.

Điều 4.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày đến ngày

Điều 5.

Các ông chủ cảng..... các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ trưởng cơ quan công bố hoạt động cảng
Ký tên và đóng dấu

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu VP,....

Ghi chú: 1. Tên Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.